

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

Đặng Thái Sơn

Phòng CTSV - Bảo đảm Chất lượng - Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên

Email: Lucifer6285@gmail.com

**Tóm tắt:** Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đánh dấu bước chuyển dịch căn bản từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực, trong đó giao tiếp và hợp tác (GTHT) được xác định là một trong những năng lực chung cốt lõi cần hình thành cho học sinh. Đối với học sinh dân tộc thiểu số (DTTS), quá trình phát triển năng lực này chịu sự chi phối mạnh mẽ của các yếu tố đặc thù về ngôn ngữ, văn hóa và điều kiện kinh tế - xã hội. Trên cơ sở tiếp cận khung lý luận về năng lực GTHT trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, bài viết làm rõ cấu trúc và lộ trình phát triển năng lực này theo các cấp học, đồng thời phân tích những rào cản đặc thù về ngôn ngữ, tâm lý và môi trường giáo dục đối với học sinh DTTS. Từ đó, bài viết luận giải các định hướng sự phạm và định hướng đánh giá nhằm phát triển năng lực GTHT phù hợp với bối cảnh giáo dục vùng đồng bào DTTS và miền núi. Kết quả nghiên cứu góp phần xác lập khung tham chiếu lý thuyết cho việc đề xuất các biện pháp giáo dục linh hoạt, phù hợp với đặc điểm người học, qua đó hướng tới mục tiêu công bằng và phát triển bền vững trong giáo dục.

**Từ khóa:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; học sinh dân tộc thiểu số; Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; rào cản ngôn ngữ; công bằng giáo dục.

## SOME THEORETICAL ISSUES ON DEVELOPING COMMUNICATION AND COOPERATION SKILLS FOR ETHNIC MINORITY STUDENTS IN THE CONTEXT OF IMPLEMENTING THE 2018 GENERAL EDUCATION PROGRAM

**Abstract:** The 2018 General Education Program marks a fundamental shift from a content-based approach to a competency-based approach, in which communication and cooperation are identified as core general competencies to be developed in students. For ethnic minority students, the development of these competencies is strongly influenced by specific factors related to language, culture, and socio-economic conditions. Based on a theoretical framework of communication and cooperation competencies in the 2018 General Education Program, this article clarifies the structure and developmental progression of these competencies across educational levels, while also analyzing the specific linguistic, psychological, and educational-environment barriers faced by ethnic minority students. On this basis, the article discusses pedagogical orientations and assessment approaches aimed at fostering communication and cooperation competencies in ways that are appropriate to the educational context of ethnic minority and mountainous regions. The findings contribute to establishing a theoretical frame of reference for proposing flexible educational measures that are responsive to learners' characteristics, thereby moving toward the goals of equity and sustainable development in education.

**Keywords:** Communication and collaboration competencies; ethnic minority students; 2018 General Education Program; linguistic barriers; educational equity.

Nhận bài: 05/03/2026

Phản biện: 05/04/2026

Duyệt đăng: 10/04/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, giáo dục phổ thông Việt Nam thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện theo tinh thần Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, với mục tiêu chuyển trọng tâm từ truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học. Trên cơ sở nghị quyết này, Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT 2018) đã chính thức quy định mục tiêu, cấu trúc và nội dung giáo dục phổ thông mới, đồng thời xác định rõ các năng lực cần hình thành cho học sinh (HS). Theo đó, năng lực GTHT được xác định là một trong ba năng lực chung cốt lõi, đóng vai trò nền

tảng giúp HS thiết lập các mối quan hệ xã hội, làm việc hiệu quả trong môi trường tập thể và thích ứng với bối cảnh hội nhập quốc tế.

Việc hình thành năng lực GTHT không chỉ đơn thuần là trang bị kiến thức mà là quá trình giúp HS huy động tổng hợp các nguồn lực tâm lý để giải quyết các tình huống thực tiễn. Theo Chương trình tổng thể, năng lực này yêu cầu HS phải đạt được các chỉ số hành vi cụ thể như: xác định mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh; chủ động thiết lập, duy trì các mối quan hệ xã hội; biết thấu cảm và hóa giải mâu thuẫn; đồng thời có khả năng hội nhập quốc tế và giao tiếp an toàn trên môi trường mạng. Đây là những yêu cầu mang tính thách thức cao, đòi hỏi sự phát triển liên tục và xuyên suốt qua các cấp học.

Tuy nhiên, đối với học sinh DTTS, việc đạt được các “yêu cầu cần đạt” này đối mặt với những rào cản đặc thù và nghiêm trọng. Rào cản lớn nhất chính là ngôn ngữ, khi Tiếng Việt - ngôn ngữ chuyển tải tri thức chính trong nhà trường - thường là ngôn ngữ thứ hai của các em. Sự bất đồng ngôn ngữ không chỉ gây khó khăn trong việc tiếp nhận tri thức mà còn hạn chế khả năng diễn đạt tư duy, khiến HS trở nên e ngại, rụt rè khi tham gia vào các hoạt động tương tác nhóm hoặc thuyết trình trước đám đông. Bên cạnh đó, sự khác biệt về vốn văn hóa bản địa và điều kiện kinh tế - xã hội tại vùng đồng bào DTTS và miền núi thường tạo ra một “khoảng cách” nhất định với môi trường giáo dục chính quy.

Thực tiễn này cho thấy, nếu áp dụng máy móc các phương pháp giáo dục đại trà, mục tiêu công bằng trong giáo dục sẽ khó có thể đạt được. CTGDPT 2018 được xây dựng theo hướng “mở”, cho phép các nhà trường chủ động linh hoạt trong việc lựa chọn nội dung và phương pháp phù hợp với đối tượng HS đặc thù. Vì vậy, việc nghiên cứu thấu đáo các vấn đề lý luận về phát triển năng lực GTHT cho học sinh DTTS là một nhu cầu cấp thiết. Bài viết tập trung phân tích các khía cạnh lý luận, từ đó luận giải những yêu cầu sư phạm đặc thù nhằm giúp học sinh DTTS vượt qua các rào cản, tự tin làm chủ ngôn ngữ và phát triển toàn diện trong kỷ nguyên mới

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Khung lý luận về năng lực GTHT trong Chương trình GDPT 2018

#### 2.1.1. Quan niệm và cấu trúc của năng lực GTHT

Trong khoa học giáo dục hiện đại và theo định hướng của CTGDPT 2018, năng lực không chỉ đơn thuần là việc ghi nhớ tri thức hay rèn luyện kỹ năng rời rạc, mà là một thuộc tính cá nhân được hình thành và phát triển nhờ tố chất sẵn có cùng quá trình học tập, rèn luyện. Bản chất của năng lực là khả năng huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí để thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể. Sự chuyển dịch từ giáo dục truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực nhấn mạnh đến khả năng vận dụng và hiệu quả hành động thực tiễn của người học trong đời sống xã hội.

Trong hệ thống các năng lực cốt lõi, năng lực GTHT được xác định là một trong ba năng lực chung, được hình thành và phát triển xuyên suốt

thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục. Xét về lý luận, năng lực này bao gồm khả năng thiết lập, duy trì mối quan hệ với người khác; sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ để trao đổi thông tin; đồng thời biết phối hợp để giải quyết nhiệm vụ chung. Giữa GTHT có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ: giao tiếp hiệu quả là tiền đề của hợp tác thành công và ngược lại, quá trình hợp tác tạo ra môi trường thực tiễn để rèn luyện kỹ năng giao tiếp.

Cấu trúc của năng lực GTHT trong Chương trình GDPT 2018 là một cấu trúc phức hợp, bao gồm các thành tố và yêu cầu cần đạt cụ thể sau:

- Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: HS cần biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản và ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp. Ngoài việc sử dụng tiếng Việt, ngoại ngữ hay tiếng DTTS, năng lực này còn yêu cầu khả năng sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu tượng, sơ đồ để trình bày ý tưởng một cách hiệu quả.

- Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội và hóa giải mâu thuẫn: Bao gồm việc chủ động kết bạn, thấu cảm với suy nghĩ của người khác và biết cách dàn xếp các bất đồng một cách hòa bình.

- Xác định mục đích, phương thức hợp tác và trách nhiệm cá nhân: HS cần biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác, phân tích các công việc cần thực hiện và sẵn sàng nhận những phần việc khó khăn của nhóm.

- Đánh giá hoạt động hợp tác: Khả năng tự nhận xét ưu điểm, thiếu sót của bản thân và của nhóm để rút kinh nghiệm cho các hoạt động tiếp theo.

- Khía cạnh hội nhập và môi trường số: Đây là những điểm mới mang tính thời đại, yêu cầu HS phải chủ động, tự tin trong giao tiếp quốc tế và biết hợp tác an toàn, văn minh trên không gian mạng.

Việc làm rõ hệ thống lý luận về quan niệm và cấu trúc này có ý nghĩa then chốt trong việc xác định lộ trình giáo dục. Đối với học sinh DTTS, đây là cơ sở để nhận diện các “khoảng cách” về năng lực do rào cản ngôn ngữ (khi tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai) và tâm lý e ngại đặc thù. Hiểu đúng cấu trúc năng lực sẽ giúp giáo viên thiết kế các “tình huống giao tiếp thực” và môi trường học tập an toàn, giúp các em vượt qua rào cản để hòa nhập và phát triển toàn diện theo chuẩn chung của chương trình quốc gia.

#### 2.1.2. Yêu cầu cần đạt theo lộ trình cấp học

CTGDPT 2018 xác định việc hình thành và phát triển năng lực GTHT là một quá trình liên

tục, có tính kế thừa và phát triển từ cấp Tiểu học đến Trung học phổ thông. Theo đó, yêu cầu cần đạt của năng lực này được quy định theo hướng tăng dần về mức độ phức tạp, từ những biểu hiện đơn giản, mang tính nền tảng đến những biểu hiện mang tính tự chủ, chuyên nghiệp và phù hợp với các tình huống học tập, xã hội đa dạng.

Ở cấp Tiểu học, trọng tâm của việc phát triển năng lực GTHT là hình thành cho HS những kỹ năng giao tiếp cơ bản và thói quen tương tác tích cực với bạn bè, thầy cô. HS được yêu cầu biết lắng nghe, biết trình bày ý kiến đơn giản, biết cách kết bạn, trao đổi và giúp đỡ nhau trong học tập cũng như trong các hoạt động chung của lớp, của trường. Ở giai đoạn này, năng lực GTHT chủ yếu được thể hiện qua những hành vi cụ thể, gần gũi với đời sống học đường, góp phần tạo nền tảng cho sự phát triển nhân cách và khả năng học tập trong các giai đoạn tiếp theo.

Ở cấp Trung học cơ sở, yêu cầu đối với năng lực GTHT được nâng lên một bước, gắn với sự phát triển về nhận thức, tâm lý và nhu cầu khẳng định bản thân của HS. HS không chỉ dừng lại ở việc tham gia GTHT một cách thụ động, mà cần biết đặt mục tiêu giao tiếp, chủ động đề xuất mục đích hợp tác, biết phân công nhiệm vụ trong nhóm và sẵn sàng học hỏi từ các thành viên khác. Đồng thời, HS cũng được yêu cầu thể hiện thái độ tôn trọng, khiêm tốn, biết tiếp nhận ý kiến phản hồi và điều chỉnh hành vi giao tiếp, hợp tác của bản thân cho phù hợp với yêu cầu chung của tập thể.

Ở cấp Trung học phổ thông, năng lực GTHT tiếp tục được phát triển theo hướng hoàn thiện và chuyên sâu hơn, đáp ứng yêu cầu học tập, định hướng nghề nghiệp và tham gia đời sống xã hội. HS cần biết kiểm soát cảm xúc khi giao tiếp, đặc biệt trong các tình huống nói trước đám đông, tranh luận hoặc làm việc nhóm. Bên cạnh đó, các em phải biết phân tích công việc, theo dõi tiến độ thực hiện, chủ động hỗ trợ đồng đội và cùng chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung. Ở cấp học này, năng lực GTHT không chỉ phục vụ cho học tập trong nhà trường, mà còn góp phần chuẩn bị cho HS những kỹ năng cần thiết để học tập suốt đời và thích ứng với môi trường học tập, làm việc sau khi tốt nghiệp phổ thông.

Như vậy, yêu cầu cần đạt về năng lực GTHT trong CTGDPT 2018 được thiết kế theo lộ trình phát triển liên tục, bảo đảm tính kế thừa và nâng cao, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nhiệm vụ học tập của HS ở từng cấp học.

### 2.1.3. Cơ sở khoa học của việc hình thành năng lực GTHT

Việc hình thành và phát triển năng lực GTHT cho HS trong nhà trường phổ thông được đặt trên những cơ sở khoa học vững chắc của khoa học giáo dục hiện đại, bao gồm cả phương diện tâm lý học, giáo dục học và lý luận dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Trước hết, từ góc độ tâm lý học hoạt động và tâm lý học phát triển, GTHT được xem là những hình thức hoạt động xã hội cơ bản, thông qua đó cá nhân lĩnh hội kinh nghiệm xã hội, hình thành nhân cách và phát triển các chức năng tâm lý bậc cao. Quá trình học tập, vì vậy, không chỉ là sự tiếp nhận tri thức một chiều, mà là quá trình tương tác, trao đổi và cùng kiến tạo tri thức giữa người học với người dạy và giữa người học với nhau.

Từ góc độ lý luận dạy học hiện đại, đặc biệt là các tiếp cận kiến tạo và kiến tạo xã hội, tri thức được hình thành thông qua hoạt động và tương tác xã hội. Học tập hợp tác, thảo luận nhóm, dự án học tập và các hình thức tổ chức dạy học tích cực khác tạo điều kiện để HS vừa rèn luyện kỹ năng giao tiếp, vừa phát triển khả năng phối hợp, chia sẻ trách nhiệm và cùng giải quyết vấn đề. Trong quá trình đó, năng lực GTHT không phải là “phần phụ” của dạy học, mà trở thành một trong những kết quả giáo dục quan trọng cần được hình thành một cách có chủ đích và hệ thống.

Bên cạnh đó, tiếp cận giáo dục định hướng phát triển năng lực nhấn mạnh sự thống nhất giữa tri thức, kỹ năng và thái độ trong hoạt động của người học. Điều này cho thấy năng lực GTHT chỉ có thể được hình thành bền vững khi HS được đặt vào những tình huống học tập và trải nghiệm thực tiễn, trong đó các em phải thường xuyên giao tiếp, phối hợp, tự đánh giá và điều chỉnh hành vi của mình. Chính sự lặp lại, mở rộng và nâng cao dần các trải nghiệm này qua các cấp học tạo nên quá trình phát triển liên tục và bền vững của năng lực GTHT.

Từ những cơ sở khoa học trên có thể khẳng định rằng, việc phát triển năng lực GTHT cho học sinh trong Chương trình GDPT 2018 là phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại và có nền tảng lý luận vững chắc. Đây cũng là cơ sở quan trọng để xác định các định hướng sư phạm và giải pháp tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực này, đặc biệt đối với những đối tượng HS có đặc thù về ngôn ngữ, văn hóa và điều kiện học tập như học sinh DTTS.

## 2.2. Đặc thù và rào cản trong phát triển năng lực GTHT cho học sinh DTTS

Việc phát triển năng lực GTHT cho học sinh DTTS cần được đặt trong bối cảnh những đặc điểm riêng về ngôn ngữ, văn hóa và điều kiện sống của nhóm đối tượng này, bởi chính những yếu tố ấy chi phối trực tiếp cách thức các em tham gia vào hoạt động học tập mang tính tương tác trong nhà trường phổ thông. Khác với nhiều HS ở khu vực đô thị hoặc đồng bằng, không ít học sinh DTTS sử dụng tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai, chủ yếu trong môi trường học đường, trong khi đời sống giao tiếp hằng ngày gắn liền với tiếng mẹ đẻ của cộng đồng. Thực tế này dẫn đến những hạn chế nhất định trong việc tiếp nhận văn bản học tập, lĩnh hội các khái niệm trừu tượng cũng như trong việc tổ chức và diễn đạt ý tưởng một cách mạch lạc trước tập thể. Khi năng lực sử dụng ngôn ngữ học đường còn chưa vững, HS thường có xu hướng thu mình trong các tình huống cần trao đổi, thảo luận hoặc trình bày quan điểm, qua đó làm suy giảm cơ hội rèn luyện và phát triển năng lực GTHT. Trong bối cảnh ấy, việc tổ chức dạy học tiếng DTTS như một môn học tự chọn theo định hướng của chương trình không chỉ mang ý nghĩa bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, mà còn góp phần củng cố nền tảng ngôn ngữ và tâm thế học tập, tạo điều kiện để HS từng bước gia tăng sự tự tin khi tham gia các hoạt động giao tiếp bằng tiếng Việt trong môi trường học đường.

Cùng với yếu tố ngôn ngữ, những đặc điểm tâm lý - xã hội gắn với bối cảnh sống và môi trường văn hóa của học sinh DTTS cũng tạo nên những ảnh hưởng đáng kể đối với quá trình hình thành và phát triển năng lực GTHT. Nhiều em lớn lên trong không gian văn hóa cộng đồng coi trọng sự khiêm nhường, tiết chế trong thể hiện bản thân, trong khi môi trường nhà trường hiện đại lại đề cao tính chủ động, khả năng bày tỏ chính kiến và tham gia tranh luận học thuật. Sự khác biệt này dễ dẫn tới trạng thái dè dặt, rụt rè hoặc thiếu tự tin khi HS phải tham gia vào các hoạt động thảo luận nhóm, trình bày trước tập thể hay bảo vệ quan điểm cá nhân. Khoảng cách giữa “phông văn hóa” gia đình và “văn hóa học đường” vì thế không chỉ là vấn đề thích nghi đơn thuần, mà còn trở thành một yếu tố tâm lý cản trở việc hình thành những hành vi GTHT mang tính tích cực, chủ động trong học tập.

Ở bình diện tổ chức giáo dục, môi trường học tập giữ vai trò như một không gian xã hội - su

phạm, trong đó các chuẩn mực ứng xử, cách thức đánh giá và bầu không khí tâm lý có thể khuyến khích, kìm hãm sự tham gia của HS vào các hoạt động tương tác. Một môi trường thiếu sự tôn trọng đối với khác biệt văn hóa, chưa tạo được cảm giác an toàn về mặt tâm lý hoặc còn đặt nặng áp lực đánh giá, so sánh có thể làm gia tăng tâm lý tự ti và e ngại ở học sinh DTTS. Trái lại, khi nhà trường xây dựng được một môi trường học tập dân chủ, thân thiện, coi trọng sự đa dạng và khích lệ sự tham gia, học sinh sẽ có điều kiện thuận lợi hơn để bộc lộ suy nghĩ, trao đổi quan điểm và từng bước hình thành những thói quen hợp tác tích cực. Trong ý nghĩa đó, môi trường học tập không chỉ là bối cảnh diễn ra hoạt động giáo dục, mà còn là một nhân tố có tính quyết định đối với hiệu quả phát triển năng lực GTHT của học sinh DTTS.

## 2.3. Định hướng sự phạm phát triển năng lực GTHT cho học sinh DTTS

Việc phát triển năng lực GTHT cho học sinh DTTS trong bối cảnh triển khai CTGDPT 2018 không thể dừng lại ở việc lựa chọn một số kỹ thuật dạy học riêng lẻ, mà cần được tiếp cận như một quá trình sự phạm có định hướng, được chi phối bởi những nguyên tắc, phương pháp và điều kiện tổ chức phù hợp với đặc điểm người học và bối cảnh giáo dục vùng miền. Cách tiếp cận này cho phép gắn kết mục tiêu phát triển năng lực với thực tiễn dạy học hằng ngày, đồng thời tạo ra sự nhất quán giữa nội dung, phương pháp và môi trường giáo dục.

### 2.3.1. Nguyên tắc sự phạm

Từ góc độ lý luận giáo dục định hướng phát triển năng lực, quá trình tổ chức dạy học nhằm hình thành năng lực GTHT cho học sinh DTTS cần được đặt trên nền tảng tôn trọng sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa, coi đó không phải là hạn chế cần loại bỏ, mà là nguồn lực giáo dục cần được nhận diện và khai thác một cách sự phạm. Việc thừa nhận và trân trọng bản sắc văn hóa của người học góp phần tạo dựng cảm giác an toàn về mặt tâm lý, qua đó khuyến khích HS tham gia tích cực hơn vào các hoạt động tương tác trong lớp học.

Cùng với đó, nguyên tắc lấy người học làm trung tâm cần được cụ thể hóa trong việc tổ chức các hoạt động học tập tạo cơ hội cho HS được trải nghiệm, được bày tỏ quan điểm và được tham gia vào quá trình ra quyết định trong phạm vi phù hợp. Trong mối quan hệ này, giáo viên không chỉ giữ vai trò truyền đạt tri thức, mà còn là người tổ

chức, định hướng và hỗ trợ, giúp HS từng bước hình thành thói quen GTHT một cách tự tin và có trách nhiệm.

Một nguyên tắc có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng khác nằm ở yêu cầu bảo đảm tính phát triển liên tục của năng lực, theo đó các yêu cầu về GTHT cần được thiết kế theo lộ trình tăng dần về mức độ phức tạp, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và trình độ nhận thức của HS ở từng cấp học. Sự nhất quán và kế thừa trong tổ chức hoạt động giáo dục cho phép năng lực GTHT không chỉ được hình thành ở mức độ hành vi, mà dần được nâng lên thành những phẩm chất và thói quen bền vững trong học tập và đời sống.

### 2.3.2. Phương pháp và hình thức tổ chức

Trên nền tảng các nguyên tắc sư phạm nêu trên, việc lựa chọn và vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học cần hướng tới việc gia tăng cơ hội tương tác, đối thoại và phối hợp hành động giữa HS với nhau cũng như giữa HS với giáo viên. Những phương pháp dạy học tích cực như học tập hợp tác, dạy học dựa trên dự án, đóng vai, thảo luận nhóm hoặc tổ chức xêmina HS không chỉ tạo điều kiện để HS tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức, mà còn đặt các em vào những tình huống GTHT mang tính thực tiễn, qua đó thúc đẩy sự phát triển đồng thời của cả kỹ năng và thái độ xã hội.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động này, cần chú ý đến việc thiết kế nhiệm vụ học tập có tính mở, đòi hỏi sự phối hợp giữa các thành viên, đồng thời tạo không gian để mỗi HS đều có cơ hội thể hiện vai trò và đóng góp của mình. Đối với học sinh DTTS, việc phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, trình độ ngôn ngữ và mức độ tự tin của từng em có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi nó giúp giảm áp lực tâm lý và tạo điều kiện để các em từng bước tham gia sâu hơn vào hoạt động chung của nhóm.

Ở bình diện tổ chức lớp học, sự linh hoạt trong việc kết hợp giữa hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm cho phép giáo viên điều chỉnh mức độ yêu cầu GTHT theo khả năng của HS, đồng thời tạo ra những “nấc thang” sư phạm giúp HS chuyển dần từ trạng thái tham gia thụ động sang chủ động và tự chủ hơn trong tương tác học tập.

### 2.3.3. Môi trường trải nghiệm và tích hợp nội dung địa phương

Sự phát triển bền vững của năng lực GTHT đòi hỏi HS không chỉ được rèn luyện trong không

gian lớp học, mà còn cần được đặt vào những bối cảnh trải nghiệm đa dạng, gắn với đời sống cá nhân và cộng đồng. Các hoạt động trải nghiệm ở tiểu học và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trung học theo định hướng của CTGDPT 2018 mở ra những khả năng quan trọng để HS tham gia vào các tình huống GTHT mang tính thực tiễn, nơi các em phải cùng nhau lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, trao đổi ý kiến và cùng chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động.

Việc tích hợp nội dung giáo dục của địa phương vào quá trình dạy học và tổ chức hoạt động trải nghiệm có ý nghĩa đặc biệt đối với học sinh DTTS, bởi nó giúp rút ngắn khoảng cách giữa tri thức học đường và thế giới sống của các em. Khi các vấn đề văn hóa, kinh tế, xã hội của cộng đồng được đưa vào hoạt động học tập, HS có điều kiện sử dụng những hiểu biết và kinh nghiệm vốn có để tham gia thảo luận, chia sẻ và hợp tác giải quyết vấn đề, từ đó gia tăng mức độ tự tin và tính chủ động trong giao tiếp.

Trong cách tiếp cận này, môi trường giáo dục không còn bị giới hạn trong phạm vi lớp học, mà được mở rộng thành một không gian học tập gắn với cộng đồng, nơi các mối quan hệ xã hội, các giá trị văn hóa và các tình huống thực tiễn trở thành “chất liệu” cho quá trình hình thành và phát triển năng lực GTHT của học sinh DTTS.

## 2.4. Định hướng đánh giá kết quả giáo dục năng lực GTHT

Trong tiếp cận giáo dục định hướng phát triển năng lực, đánh giá không chỉ giữ chức năng xác nhận mức độ đạt được của người học, mà còn là một bộ phận hữu cơ của quá trình dạy học, có vai trò định hướng, điều chỉnh và thúc đẩy sự tiến bộ của HS. Đối với năng lực GTHT, việc đánh giá càng cần được tổ chức một cách có chủ đích và hệ thống, bởi đây là loại năng lực biểu hiện chủ yếu qua hành vi, thái độ và cách thức tham gia của HS trong các tình huống học tập và hoạt động xã hội cụ thể, khó có thể đo lường đầy đủ chỉ bằng các hình thức kiểm tra truyền thống.

Căn cứ đánh giá năng lực GTHT cần được đặt trên hệ thống các chỉ báo hành vi đã được quy định trong CTGDPT 2018, đặc biệt là các yêu cầu thể hiện tại Mục IX của Chương trình tổng thể. Việc sử dụng các chỉ báo này cho phép quá trình đánh giá bám sát mục tiêu chương trình, đồng thời bảo đảm tính thống nhất giữa dạy học và đánh giá. Trên cơ sở đó, mức độ phát triển năng lực của HS được xem xét thông qua những biểu hiện cụ

thể trong quá trình giao tiếp, phối hợp thực hiện nhiệm vụ, chia sẻ trách nhiệm và tham gia tự điều chỉnh hoạt động chung của nhóm.

Về phương diện hình thức, đánh giá năng lực GTHT cần được triển khai theo hướng kết hợp hài hòa giữa đánh giá định tính và đánh giá định lượng, trong đó trọng tâm được đặt vào việc theo dõi sự tiến bộ của HS trong suốt quá trình học tập và trải nghiệm. Nhận xét của giáo viên, sự tự đánh giá của học sinh và đánh giá của bạn học tạo nên một hệ thống thông tin đa chiều, phản ánh tương đối đầy đủ mức độ tham gia, thái độ hợp tác cũng như hiệu quả giao tiếp của từng cá nhân trong tập thể. Cách tiếp cận này không chỉ giúp tăng cường tính khách quan và toàn diện của hoạt động đánh giá, mà còn góp phần hình thành ở HS năng lực tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi và ý thức trách nhiệm đối với hoạt động chung.

Trong bối cảnh giáo dục học sinh DTTS, định hướng đánh giá như trên càng có ý nghĩa, bởi nó cho phép ghi nhận sự tiến bộ của HS trên cơ sở xuất phát điểm và điều kiện học tập cụ thể, thay vì chỉ dựa trên những chuẩn mực mang tính đồng loạt. Việc tổ chức đánh giá theo hướng coi trọng quá trình và sự phát triển không chỉ góp phần tạo động lực học tập, mà còn hỗ trợ việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn về mặt tâm lý, nơi HS có thể mạnh dạn tham gia GTHT mà không bị áp lực bởi những so sánh hoặc phán xét giản đơn.

### III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh triển khai CTGDPT 2018 theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, việc chú trọng hình thành và phát triển năng lực GTHT cho học sinh DTTS có thể được xem như một nhiệm vụ mang ý nghĩa chiến lược, gắn liền với mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục và bảo đảm cơ hội học tập công bằng cho mọi đối tượng HS. Phân tích cơ sở lý luận, yêu cầu cần đạt theo lộ trình cấp học, cũng như những đặc thù và rào cản trong quá trình giáo dục học sinh DTTS cho thấy năng lực GTHT không chỉ là một yêu cầu của chương trình, mà còn là điều kiện quan trọng để HS có thể tham gia đầy đủ và hiệu quả vào các hoạt động học tập và đời sống học đường.

Tính linh hoạt và mở của CTGDPT 2018 tạo ra không gian sự phạm cần thiết để các cơ sở giáo dục và đội ngũ giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn và đặc điểm người học ở vùng đồng bào DTTS và miền núi. Khi được vận dụng một cách có cơ sở khoa học và gắn với bối cảnh cụ thể, những định hướng sự phạm này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả phát triển năng lực GTHT, mà còn hỗ trợ việc thu hẹp khoảng cách trong tiếp cận giáo dục, qua đó hiện thực hóa mục tiêu phát triển giáo dục theo hướng nhân văn, bền vững và công bằng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). Thông tư 14/2017/TT-BGDĐT ban hành Quy chế đánh giá học sinh tiểu học và trung học cơ sở.
- Ella Yuzar (2025). Incorporating communicative competence in assessment and English language teaching in multilingual settings. REiLA: Journal of Research and Innovation in Language, 2(1), Article 3864. <https://doi.org/10.31849/reila.v2i1.3864>
- Ivana Nešić & Kimeta Hamidovic (2022). Developing a scale for assessing communicative competence of students learning English for specific purposes. Journal of Teaching English for Specific and Academic Purposes, 10(4), 481–492. <https://doi.org/10.22190/JTESAP2203481N>
- Margarida Romero (2026). Evaluating the evolution of critical thinking, creativity, communication and collaboration in higher education courses. arXiv Preprint. <https://doi.org/10.48550/arXiv.2601.17018>
- Ngô Thị Tân Hương & Nguyễn Bảo Diệp (2024). Structure and criteria for assessing communication and cooperation competence of high school students in teaching Economic and Legal Education 10. Journal of Science Educational Science, 69(1), 43–56. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2024-0005>
- Nguyễn Tiến Quang, Nguyễn Anh Thi & Đỗ Thị Bích Thuyền (2025). Tự đánh giá năng lực giao tiếp của học sinh phổ thông Việt Nam thông qua chương trình dạy học tiếng Anh dựa trên năng lực. TNU Journal of Science and Technology. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12873>